TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ T** **TỈNH B**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2018/HSST
Ngày: 27-3-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ T

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Hồng Thêm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đào Văn Nô;
2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Anh.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Lài - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh B.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã T tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 18/2018/HSST ngày 02 tháng 3 năm 2017 theo Quyết Đ đưa vụ án ra xét xử số 17/2018/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 3 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Phạm Ngọc N; Giới tính: Nam; năm sinh:1993; tại:Vĩnh Long; nơi thường trú: Ấp Kinh Số 1, xã N, huyện T, tỉnh V; chỗ ở: Khu phố Đ, phường T, thị xã T, tỉnh B; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 12/12; con ông Phạm Văn T, sinh năm 1965 và bà Bùi Thị C, sinh năm 1965; tiền án,tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 04/10/2017 đến ngày 14/10/2017 thay đổi biện pháp ngăn chặn cho gia đình bảo lĩnh cho đến nay; có mặt.

2. Họ và tên: Phạm Văn Đ; Giới tính: Nam; năm sinh: 1984; Tại: Ninh Bình; nơi thường trú: Xóm 4, xã K, huyện Y, tỉnh N; chỗ ở: Tổ 5, khu phố K, phường T, thị xã T, tỉnh B; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Tài xế; trình độ học vấn: 12/12; con ông Phạm Văn H, sinh năm 1954 và bà Đinh Thị C, sinh năm 1953; bị cáo có vợ tên: Nguyễn Thị T, sinh năm 1983 và có 02 người con, người lớn sinh năm 2009, người nhỏ sinh năm 2011; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 05/10/2017 đến ngày 14/10/2017 thay đổi biện pháp ngăn chặn cho gia đình bảo lĩnh cho đến nay; có mặt.

- *Bị hại*: Công ty T; địa chỉ: 13F/3B, khu phố B, phường B, thị xã T, tỉnh B); người đại diện hợp pháp: Ông CHEN HUAIXUE - Chức danh: Chủ tịch kiêm Tổng giám đốc; Người đại diện hợp pháp: Bà Phạm Thị S, sinh năm 1987;

địa chỉ: 31/02, tổ 2, khu phố 7, phường P, thành phố T, tỉnh B là đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 04-10-2017); có mặt.

- *Người làm chứng*:

Ông H, sinh năm 1983; địa chỉ: Khu phố L, phường K, thị xã T, tỉnh B; người phiên dịch: Bà H, sinh năm 1993; địa chỉ: Số 13, ấp 4, xã P, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Đ; vắng mặt.

Ông Nguyễn T, sinh năm 1989; địa chỉ: Ấp B, xã P, huyện D, tỉnh T; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Văn Đ và Phạm Ngọc N cùng làm việc tại Công ty T thuộc Khu Công nghiệp N, khu phố L, phường K, thị xã T, tỉnh B nên quen biết nhau. N làm việc tại bộ phận kho hàng thành phẩm, Đ là tài xế xe ô tô tải của Công ty làm nhiệm vụ vận chuyển hàng hóa là nước sơn giao cho khách hàng.

Khoảng 10 giờ 30 phút ngày 04-10-2017, N quan sát tại kho hàng thành phẩm của Công ty thấy không có người trong Ban giám đốc cũng như người quản lý kho hàng nên nảy sinh ý Đ lấy sơn trong kho hàng thành phẩm mang bán lấy tiền tiêu xài.Thực hiện ý Đ, N đi đến khu vực đậu xe ô tô tải của Công ty trước kho hàng thành phẩm rủ Đ cùng tham gia, Đ đồng ý. Sau đó, Đ điều khiển xe ô tô tải thùng kín hiệu Isuzu, màu sơn bạc, biển số 61LD – 3407 của Công ty đến khu vực trước của kho hàng thành phẩm. Khi thấy Đ điều khiển xe đến của kho, N đi vào bên trong kho hàng lấy 10 (Mười) thùng nước sơn thành phẩm các loại ra để bên cạnh xe ô tô biển số 61LD – 3407, cụ thể như sau:

- 04 (Bốn) thùng sơn dầu màu trắng ký hiệu PU104 trọng lượng 20kg/thùng;
- 01 (Một) thùng sơn dầu màu bạc ký hiệu PU807 trọng lượng 20kg/thùng;
- 01 (Một) thùng sơn giạ quang màu vàng ký hiệu PU702 trọng lượng 20kg/thùng;
- 01 (Một) thùng sơn dầu màu xanh ký hiệu PU404 trọng lượng 20kg/thùng;
- 01 (Một) thùng sơn nước màu trắng ký hiệu C - 11048 trọng lượng 20kg/thùng;
- 01 (Một) thùng sơn nước bóng đặc biệt ký hiệu W – 110A trọng lượng 20kg/thùng;
- 01 (Một) thùng sơn nước lập thể ký hiệu C - 11088P trọng lượng 20kg/thùng.

N và Đ mang 10 thùng nước sơn này lên xe ô tô biển số 61LD – 3407 rồi Đ điều khiển xe ô tô đi ra khu vực cổng để mang các thùng sơn chiếm đoạt được ra khỏi Công ty tìm nơi tiêu thụ. N thì vào trong kho hàng thành phẩm tiếp tuc làm việc. Trong khi N cùng Đ mang các thùng sơn lên xe ô tô thì ông H là người quản lý kho hàng thành phẩm của Công ty T phát hiện. Do N, Đ đã mang các thùng sơn lấy được lên xe ô tô xong nên ông Huang không kịp ngăn

chặn việc Đ điều ô tô chở các thùng sơn ra khỏi Công ty. Ông Huang gọi ông Nguyễn T là tài xế của Công ty điều khiển xe ô tô đuổi theo xe ô tô biển số 61LD – 3407 do Đ điều khiển. Sau khi Đ điều khiển xe ô tô 61LD – 3407 ra khỏi cổng Công ty, Đ chạy về hướng khu vực vòng xoay Cây xăng Kim Hằng thuộc phường K, thị xã T. Đ phát hiện có người của Công ty truy đuổi theo phía sau nên Đ dừng xe ở bên lề đường gần cây xăng K rồi mang các thùng sơn lấy được bỏ xuống đường với ý Đ sau khi bỏ hết sơn xuống đường sẽ điều khiển xe ô tô quay lại Công ty nhằm che giấu hành vi của Đ và N. Trong lúc bỏ các thùng sơn xuống đường thì ông L điều khiển xe ô tô chở ông H đi đến nên ông Huang kêu Đ mang các thùng sơn trở lên xe để chở về Công ty. Sau khi Đ xếp các thùng sơn lên xe xong thì Đ để xe ô tô lại trên đường rồi bỏ trốn đến ngày 05/10/2017 thì đến Công an phường Khánh Bình, thị xã Tân Uyên đầu thú và khai nhận hành vi của mình (BL 64). Trong lúc truy đuổi theo xe ô tô của Đ, ông Huang đã điện thoại cho ông D là quản lý kho sản xuất của Công ty T đi đến kho thành phẩm của Công ty giữ N, đồng thời trình báo Công an phường K. Công an phường K đã tiến hành lập biên bản bản bắt người phạm tội quả tang đối với Phạm Ngọc N và tạm giữ: 10 (Mười) thùng sơn có đặc điểm như đã nêu trên (BL 15 - 19). Sau đó, Công an phường Khánh Bình lập hồ sơ ban đầu chuyển cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã T, tỉnh B thụ lý theo thẩm quyền.

Tại Bản kết luận Đ giá tài sản trong tố tụng hình sự số 159/KLTS – TTHS ngày 12-10-2017 của Hội đồng Đ giá tài sản trong Tố tụng hình sự thị xã T kết luận: 04 (Bốn) thùng sơn dầu màu trắng ký hiệu PU104 trọng lượng 20kg/thùng; 01 (Một) thùng sơn dầu màu bạc ký hiệu PU807 trọng lượng 20kg/thùng; 01 (Một) thùng sơn giả quang màu vàng ký hiệu PU702 trọng lượng 20kg/thùng; 01 (Một) thùng sơn dầu màu xanh ký hiệu PU404 trọng lượng 20kg/thùng; 01 (Một) thùng sơn nước màu trắng ký hiệu C - 11048 trọng lượng 20kg/thùng; 01 (Một) thùng sơn nước bóng đặc biệt ký hiệu W – 110A trọng lượng 20kg/thùng; 01 (Một) thùng sơn nước lập thể ký hiệu C - 11088P trọng lượng 20kg/thùng tại thời điểm bị chiếm đoạt có tổng giá trị là 46.606.450 đồng (Bốn mươi sáu triệu sáu trăm lẻ sáu nghìn bốn trăm năm mươi đồng)(BL132). Ngày 29-12-2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã T ban hành Quyết Đ xử lý vật chứng số 24 trả lại 10 (Mười) thùng nước sơn này cho bà Phạm Thị S là đại diện hợp pháp của Công ty T cùng ngày (BL 202, 205).

Tại phiên tòa Bà Song không có yêu cầu các bị cáo phải bồi thường thiệt hại cho Công ty và xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo vì trong thời gian làm việc tại Công ty các bị cáo chấp hành tốt nội quy lao đồng và không có vi phạm kỷ luật lao động trừ lần phạm tội ngày 4-10-2017.

Tại Cáo trạng số: 19/QĐ-KSĐT ngày 26 tháng 02 năm 2018 của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã T truy tố các bị cáo Phạm Ngọc N và Phạm Văn Đ về tội "Trộm cắp tài sản" theo Khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi bổ sung năm 2009.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát giữ nguyên quyết Đ truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo phạm tội "Trộm cắp tài sản";

Áp dụng Khoản 1 Điều 138; Điểm g, h, p Khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 53 của Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi bổ sung năm 2009, xử phạt:

Bị cáo Phạm Ngọc N từ 15 đến 18 tháng tù.

Áp dụng Khoản 1 Điều 138; Điểm g, h, p Khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 53 và Điều 60 của Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi bổ sung năm 2009, xử phạt

Bị cáo Phạm Văn Đ từ 12 đến 15 tháng tù nhưng được hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 24 đến 30 tháng.

- Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu giải quyết về trách nhiệm dân sự nên không đề nghị giải quyết.

- Về xử lý vật chứng: Đã được giải quyết xong.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo đã ăn năn, hối cải về hành vi phạm tội. Các bị cáo là lao động chính trong gia đình do đó xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác,

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ XÉT THẤY:

[1] Về thủ tục tố tụng: Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội trên địa bàn thị xã Tân Uyên, tỉnh B. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã T khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với Phạm Ngọc N và Phạm Văn Đ là đúng thẩm quyền.

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã T, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân thị xã T và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên toà, bị cáo và những người tham gia tố tụng không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Về tình tiết định tội, định khung hình phạt: Tại phiên tòa, các bị cáo Phạm Ngọc N và Phạm Văn Đ đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai của các bị cáo phù hợp lời khai của những người tham gia tố tụng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đủ cơ sở kết luận: Ngày 04/10/2017, tại Công ty Trách nhiệm hữu hạn T thuộc Khu Công nghiệp N, khu phố L, phường K, thị xã T, tỉnh B, Phạm Ngọc N và Phạm Văn Đ đã lợi dụng sự sơ hở trong việc quản lý tài sản của Công ty lén lút thực hiện hành vi chiếm đoạt: 04 (Bốn) thùng sơn dầu màu trắng ký hiệu PU104 trọng lượng 20kg/thùng; 01 (Một) thùng sơn dầu màu bạc ký hiệu PU807 trọng lượng 20kg/thùng; 01 (Một) thùng sơn giả quang màu vàng ký hiệu PU702 trọng lượng 20kg/thùng; 01 (Một) thùng sơn dầu màu xanh ký hiệu PU404 trọng lượng 20kg/thùng; 01 (Một) thùng sơn nước màu trắng ký hiệu C - 11048 trọng lượng 20kg/thùng; 01 (Một) thùng sơn nước bóng đặc biệt ký hiệu W – 110A trọng lượng 20kg/thùng; 01 (Một) thùng sơn nước lập thể ký hiệu C - 11088P trọng lượng

20kg/thùng tại thời điểm bị chiếm đoạt có tổng giá trị là 46.606.450 đồng (Bốn mươi sáu triệu sáu trăm lẻ sáu nghìn bốn trăm năm mươi đồng). Hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" được quy Đ tại Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009. Các bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Các bị cáo không phạm vào tình tiết Đ khung tăng nặng hình phạt. Do đó, Cáo trạng đã truy tố của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã T cũng như kết luận của đại diện Viện Kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa là có cơ sở, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không phạm vào các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy Đ tại Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009 .

[4] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn tài sản đã được thu hồi và trả lại cho bị hại; phạm lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; đã thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt đối với các bị cáo; bị cáo Phạm Văn Đ sau khi thực hiện hành vi phạm tội đã tự nguyện đầu thú, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy Đ tại Điểm g, h, p Khoản 1 và Khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009.

[5] Về nhân thân: Các bị cáo có nhân thân tốt. Bị cáo Phạm Ngọc N có ông Nội tên Phạm Văn Đ là Liệt sĩ, ông Ngoại tên Bùi Văn E được tặng Huân chương kháng chiến hạnh nhất. Bị cáo Phạm Văn Đ có cha vợ ông Nguyễn Văn B là bệnh binh với tỷ mất sức lao động 65%.

[6] Căn cứ quyết định hình phạt: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm trái phép đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, mà còn gây mất trật tự, nơi xảy ra vụ án. Các bị cáo phạm tội với hình thức đồng phạm giản đơn, các bị cáo đều tham gia phạm tội một cách tích cực. Trong đó bị cáo Phạm Ngọc N là người khởi xướng và rủ bị cáo Phạm Văn Đ thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo N là người trực tiếp lấy tài sản cho bị cáo Đ đưa ra khỏi Công ty. Đối chiếu các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự; nhân thân của các bị cáo với hành vi, tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo, xét thấy mức án đại diện Viện Kiểm sát đề nghị đối với bị cáo là quá nghiêm khắc, Hội đồng xét xử sẽ xem xét, cân nhắc mức án nhẹ hơn đề nghị của Viện Kiểm sát khi quyết Đ hình phạt.

Xét thấy, bị cáo Phạm Văn Đ có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy không cần bắt chấp hành hình phạt tù mà giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân nơi bị cáo cư trú giám sát trong thời gian nhất Đ cũng không nguy hiểm cho xã hội.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Tài sản các bị cáo chiếm đoạt đã trả lại cho bị hại và bị hại không có yêu cầu về trách nhiệm dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[8] Về xử lý vật chứng: Tài sản các bị cáo chiếm đoạt đã được Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã T trả lại cho bị hại đúng theo quy Đ của pháp luật.

[9] Về án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo phải chịu theo quy Đ pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT Đ:

Tuyên bố bị cáo Phạm Ngọc N và Phạm Văn Đ phạm tội "Trộm cắp tài sản".

1. Về hình phạt:

Áp dụng Khoản 1, Điều 138; Điểm g, h, p Khoản 1, Khoản 2 Điều 46; Điều 53; Điều 60 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009.

Xử phạt: Bị cáo Phạm Ngọc N 01 (một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án trừ thời gian tạm giữ từ ngày 04-10-2017 đến 14-10-2017.

Áp dụng Khoản 1, Điều 138; Điểm g, h, p Khoản 1, Khoản 2 Điều 46; Điều 53; Điều 60 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009.

Xử phạt: Bị cáo Phạm Văn Đ 09 (chín) tháng tù nhưng được hưởng án treo thời gian thử thách 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Phạm Văn Đ cho Uỷ ban nhân dân phường T, thị xã T, tỉnh B để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo Phạm Văn Đ có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân phường trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

(Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy Đ tại Khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự).

3. Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 21, 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy Đ về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án, buộc bị cáo Phạm Ngọc N và bị cáo Phạm Văn Đ mỗi bị cáo nộp 200.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã T.

Các Bị cáo và bị hại có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh B;
- VKSND tỉnh B;
- PV27, Công an tỉnh B;
- Sở Tư pháp tỉnh B;
- VKSND THỊ XÃ T;
- Công an THỊ XÃ T;
- Chi cục THADS THỊ XÃ T;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Thị Hồng Thêm